

Số: 494/QĐ-THCS.NT

Gò Vấp, ngày 14 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2022 của Trường THCS Nguyễn Trãi

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4353/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của phụ trách kế toán trường THCS Nguyễn Trãi

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách bổ sung năm 2022 của trường THCS Nguyễn Trãi (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ, viên chức, và người lao động tại trường THCS Nguyễn Trãi có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Đức

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính
Đơn vị **TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI**
Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 4353/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của UBND Quận Gò Vấp)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
1.2	Phí	
	Phí A	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	827.490.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	827.490.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn 15):	827.490.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

Ngày 14 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hồng Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Số: 4353/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Vấp, ngày 06 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2022.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2021-2022 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong học kỳ II năm học 2021-2022;

Căn cứ Quyết định số 4083/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện;

Theo đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1295/TTr-GDDT ngày 30 tháng 11 năm 2022 và ý kiến của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 1156/TTr-TCKH ngày 30 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2022 cho các đơn vị dự toán, tổng số tiền: 18.369.190.000 đồng (Mười tám tỉ ba trăm sáu mươi chín triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

494/rys 14/12/2022

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP



**PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI PHÍ**
(Ban hành kèm Quyết định số 4353/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG SỐ	Chi không thường xuyên (NGUỒN 15)	Ghi chú
A	B	C	D	1=2	2	3
			Chi sự nghiệp giáo dục	13.095.810.000	13.095.810.000	
1	1127053	622-075	TT. GDNN-GDTX	337.920.000	337.920.000	
2	1038561	622-071	Trường Mầm non Hoa Quỳnh	141.320.000	141.320.000	
3	1038559	622-071	Trường Mầm non Hoa Lan	190.400.000	190.400.000	
4	1038329	622-071	Trường Mầm non Hoà Mi	173.200.000	173.200.000	
5	1037238	622-071	Trường Mầm non Sơn Ca	167.720.000	167.720.000	
6	1037892	622-071	Trường Mầm non Thủy Tiên	148.600.000	148.600.000	
7	1043454	622-071	Trường Mầm non Hướng Dương	212.920.000	212.920.000	
8	1043126	622-071	Trường Mầm non Sen Hồng	116.760.000	116.760.000	
9	1043450	622-071	Trường Mầm non Hoa Sen	153.040.000	153.040.000	
10	1043447	622-071	Trường Mầm non Hoàng Yến	223.760.000	223.760.000	
11	1043044	622-071	Trường Mầm non Ngọc Lan	161.840.000	161.840.000	
12	1043448	622-071	Trường Mầm non Quỳnh Hương	137.880.000	137.880.000	
13	1080674	622-071	Trường Mầm non Nhật Quỳnh	196.400.000	196.400.000	
14	1069692	622-071	Trường Mầm non Anh Đào	422.360.000	422.360.000	
15	1043125	622-071	Trường Mầm non Hoa Hồng	249.720.000	249.720.000	
16	1071100	622-071	Trường Mầm non Hồng Nhung	285.800.000	285.800.000	
17	1037234	622-071	Trường Mầm non Vàng Anh	259.680.000	259.680.000	

STT	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG SỐ	Chi không thường xuyên (NGUỒN 15)	Ghi chú
A	B	C	D	1=2	2	3
18	1080928	622-071	Trường Mầm non Hương Sen	174.840.000	174.840.000	
19	1118061	622-071	Trường Mầm non Hạnh Thông Tây	318.120.000	318.120.000	
20	1120226	622-071	Trường Mầm non An Nhơn	148.920.000	148.920.000	
21	1120463	622-071	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ	256.040.000	256.040.000	
22	1122312	622-071	Trường Mầm non Trường Vi	90.200.000	90.200.000	
23	1124079	622-071	Trường Mầm non Sóc Nâu	306.000.000	306.000.000	
24	1043128	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	546.510.000	546.510.000	
25	1043130	622-073	Trường THCS Gò Vấp	342.000.000	342.000.000	
26	1067963	622-073	Trường THCS Quang Trung	572.340.000	572.340.000	
27	1067964	622-073	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	723.630.000	723.630.000	
28	1043127	622-073	Trường THCS Phan Tây Hồ	821.730.000	821.730.000	
29	1067966	622-073	Trường THCS An Nhơn	646.500.000	646.500.000	
30	1043129	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	581.430.000	581.430.000	
31	1052167	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	505.950.000	505.950.000	
32	1051807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	608.070.000	608.070.000	
33	1051800	622-073	Trường THCS Thông Tây Hội	399.900.000	399.900.000	
34	1051801	622-073	Trường THCS Trường Sơn	279.900.000	279.900.000	
35	1109860	622-073	Trường THCS Nguyễn Trãi	827.490.000	827.490.000	
36	1118001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	568.650.000	568.650.000	
37	1120706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	566.910.000	566.910.000	
38	1124016	622-073	Trường THCS Phan Văn Trị	231.360.000	231.360.000	
			TỔNG	13.095.810.000	13.095.810.000	0

ỦY BAN NHÂN DÂN

QUẬN GÒ VẤP



Phụ lục 01

**PHỤ LỤC BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
CÁC PHÒNG, BAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND QUẬN**

Ban hành kèm theo Quyết định số **4353/QĐ-UBND** ngày **06/12/2022** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp

Đơn vị tính: Đồng						
STT	MÃ SỐ	CLK	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 15)	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
			SN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	5.273.380.000	5.273.380.000	
1	1038145	622-071	Phòng Giáo dục và Đào tạo	5.273.380.000	5.273.380.000	
			Hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập trong học kỳ 2 năm học 2021-2022	5.273.380.000	5.273.380.000	
			Tổng cộng	5.273.380.000	5.273.380.000	